

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG SƠN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 110 /BC-UBND

Sơn Nam, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Thuyết minh quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Sơn Nam khóa I - kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 09/10/2025 của Hội đồng nhân dân phường Sơn Nam khóa I - kỳ họp thứ Tư, nhiệm kỳ 2021-2026 về điều chỉnh, bổ sung danh mục và nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 28/07/2025 của UBND phường Sơn Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND phường Sơn Nam về điều chỉnh, bổ sung danh mục và nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025;

UBND phường Sơn Nam báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

A. Thu ngân sách địa phương: (Phụ biểu 01)

- Dự toán thu NSNN tỉnh giao: 508.850.000.000 đồng; thu ngân sách phường được hưởng: 127.292.300.000 đồng

- Dự toán thu NSNN HĐND phường giao: 1.261.750.500.000 đồng; thu ngân sách phường được hưởng: 371.675.300.000 đồng.

I. Thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là: 1.737.785.970.132 đồng; bằng 341,51% dự toán tỉnh và 137,73% dự toán phường giao.

Kết quả chi tiết các khoản thu, sắc thuế như sau:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương (khoản thu này không giao dự toán): Thực hiện là 16.701.310.289 đồng.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (khoản thu này không giao dự toán): Thực hiện là 1.931.199.033 đồng.

3. Thu từ doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài (khoản thu này không giao dự toán): Thực hiện là 20.987.110.748 đồng.

4. Thu thuế ngoài quốc doanh: Dự toán giao: 1.787.000.000 đồng. Thực hiện là: 257.570.729.521 đồng, bằng 14.413,58% dự toán tỉnh và phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là do Thuế cơ sở 1 Hưng Yên đã tăng cường công tác kiểm tra tại địa bàn, tại trụ sở người nộp thuế, tích cực đôn đốc việc quyết toán thuế và tổ chức truy thu nợ đọng, thu nộp kịp thời các khoản thuế.

5. Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán tỉnh giao: 5.357.000.000 đồng; dự toán phường giao: 8.084.500.000 đồng. Thực hiện: 50.382.071.708 đồng, bằng 940,49% dự toán tỉnh và 623,19% dự toán phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là do thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và thu nhập từ tiền lương, tiền công tăng cao.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Dự toán giao: 1.480.000.000 đồng. Thực hiện: 1.952.990.932 đồng; bằng 131,96% dự toán tỉnh và phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là do Thuế cơ sở I triển khai hình thức thu mới qua ứng dụng Etax và ngân hàng Agribank; đồng thời phối hợp với UBND phường tích cực rà soát các vị trí đất chưa xây dựng để đưa vào quản lý thu, phối hợp trong công tác thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các hộ trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

7. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán giao: 7.870.000.000 đồng. Thực hiện: 6.664.032.102 đồng; bằng 84,68% dự toán tỉnh và phường giao.

8. Thu thuế bảo vệ môi trường (khoản thu này không giao dự toán): Thực hiện là 12.089.821.240 đồng.

9. Thu phí và lệ phí: Dự toán giao: 95.000.000 đồng. Thực hiện: 518.897.320

đồng; bằng 546,21% dự toán tỉnh và phường giao.

10. Thu khác ngân sách: Dự toán giao: 165.000.000 đồng. Thực hiện: 2.909.845.539 đồng; bằng 1.763,54% dự toán tỉnh và phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là do số thu của một số phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực như: Phạt vi phạm giao thông; phạt vi phạm về trật tự, an ninh, quốc phòng; phạt vi phạm trong các lĩnh vực khác tăng cao và tiền chậm nộp các khoản do ngành thuế quản lý.

11. Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công: Dự toán giao: 640 triệu đồng. Thực hiện: 925.081.000 đồng; bằng 144,54% dự toán tỉnh và phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là do trong năm UBND phường đã tích cực đôn đốc các hộ thuê đất nộp tiền.

12. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán tỉnh giao: 445.100.000.000 đồng; dự toán phường giao: 1.191.443.000.000 đồng. Thực hiện: 1.099.432.123.026 đồng; bằng 247,01% dự toán tỉnh giao và 92,28% dự toán phường. Số thu đạt cao so với dự toán là do thị trường bất động sản sôi động, các dự án đã hoàn thiện theo đúng quy trình để đưa ra tổ chức đấu giá.

13. Thu Lệ phí trước bạ: Dự toán tỉnh giao: 3.480.000.000 đồng; dự toán phường giao: 4.536.000.000 đồng. Thực hiện: 20.696.524.039 đồng; bằng 594,73% dự toán tỉnh giao và 456,27% dự toán phường giao. Số thu đạt cao so với dự toán là nhu cầu mua ô tô của người dân tăng cao. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản khởi sắc nên số thu lệ phí trước bạ từ đất cũng tăng cao.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

1. Thu bổ sung cân đối: 31.676.000.000 đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu: 162.687.437.743 đồng.

III. Thu kết dư ngân sách: 16.403.328.746 đồng.

IV. Thu chuyển nguồn ngân sách: 33.257.467.146 đồng;

V. Các khoản huy động, đóng góp: 1.000.000.000 đồng (Công ty TNHH Dịch vụ EB tài trợ xây dựng nhà tập đa năng trường TH&THCS Bảo Khê)

VI. Một số tồn tại hạn chế và nguyên nhân:

1. Tồn tại, hạn chế:

Một số sắc thuế mặc dù số thu đạt hoặc vượt kế hoạch giao nhưng vẫn còn tình hình nợ đọng như tiền thuê mặt đất.

2. Nguyên nhân:

- Tính tuân thủ pháp luật về thuế của một số tổ chức, cá nhân chưa cao.
- Việc quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh còn nhiều hạn

chế, vẫn còn tình trạng để mức doanh thu khoán của một số hộ kinh doanh chưa phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

B. Chi ngân sách địa phương:

1. Chi cân đối ngân sách:

UBND phường đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách, bảo đảm tiết kiệm trong phạm vi kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền giao và theo đúng chế độ quy định, thường xuyên thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ưu tiên chi cho đầu tư phát triển và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Phục vụ kịp thời các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương, các hoạt động của Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

Các nhiệm vụ chi ngân sách thực hiện theo dự toán được giao và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị, đáp ứng kịp thời chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức; Ưu tiên kinh phí để giải quyết các chính sách an sinh xã hội; công tác phòng chống thiên tai....

Tăng cường công tác quản lý, giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2025. Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn theo đúng tiến độ đề ra.

- Dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh giao: 127.292.300.000 đồng;
- Dự toán chi ngân sách địa phương phường giao: 371.675.300.000 đồng;
- Thực hiện: 501.205.436.917 đồng; bằng 393,74% so với dự toán tỉnh và 134,85% so với dự toán phường giao. Chi ngân sách năm 2025 tăng cao so với dự toán tỉnh và phường giao do UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu các nhiệm vụ chi của thành phố Hưng Yên (trước sắp xếp đơn vị hành chính) chuyển về phường Sơn Nam để thực hiện và các nhiệm vụ khác phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó:

1.1. Chi đầu tư phát triển: (Phụ biểu 04)

- Dự toán tỉnh giao: 76.070.000.000 đồng
- Dự toán phường giao: 316.060.000.000 đồng. Thực hiện: 276.196.907.182 đồng, bằng 363,08% dự toán tỉnh và 87,39% dự toán phường giao. Trong đó:
 - + Từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao: 316.060.000.000 đồng. Thực hiện: 242.029.545.385 đồng; bằng 318,17% dự toán tỉnh và 76,58% dự toán phường giao.
 - + Từ nguồn NS cấp trên hỗ trợ là: 24.861.785.227 đồng.
 - + Từ nguồn tài trợ: 1.000.000.000 đồng.

+ Từ nguồn kết dư ngân sách: 8.305.576.570 đồng

1.2. Chi thường xuyên: (Phụ biểu 02)

Dự toán tỉnh giao và phường giao là: 37.642.300.000đ, thực hiện: 187.463.181.599 đồng, bằng 498,01% so với dự toán giao, cụ thể như sau:

- *Chi Quốc phòng*: Dự toán giao: 1.460.651.000 đồng; thực hiện 1.494.095.733 đồng; bằng 102,29% dự toán giao.

- *Chi an ninh trật tự*: Dự toán giao 1.726.780.000 đồng; Thực hiện 2.515.450.874 đồng; bằng 145,67% dự toán giao. Chi vượt dự toán do trong năm được hỗ trợ kinh phí để chi trợ cấp tổ BVDP, đội dân phòng nghỉ việc, tổ chức tuyên truyền công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn; ..., tổ chức kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam; Thực hiện công tác đảm bảo ANQG và TT ATXH trên địa bàn.

- *Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo*: Thực hiện: 83.323.740.847 đồng. Chi tiêu này UBND phường được bổ sung có mục tiêu ngân sách từ cấp huyện chuyển về của các trường mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn.

- *Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*: Dự toán giao: 856.220.000 đồng; thực hiện: 11.700.910.375 đồng, bằng 1.366,58% dự toán giao. Chi tiêu này tăng cao so với dự toán do được bổ sung từ cấp huyện chuyển về của trạm y tế và kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT, đóng BHXH tự nguyện cho các đối tượng.

- *Chi sự nghiệp Văn hóa - thể thao - truyền thanh*: dự toán giao 1.194.024.000 đồng; thực hiện: 3.827.358.153 đồng, bằng 320,54% dự toán giao. Chi vượt dự toán giao là do UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu đối với các nhiệm vụ cấp huyện cũ chuyển về.

- *Chi đảm bảo xã hội*: Dự toán giao: 1.036.128.000 đồng; thực hiện: 13.461.198.556 tỷ đồng; bằng 1.299,18% so dự toán giao. Chi vượt dự toán là do UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu đối với các nhiệm vụ cấp huyện cũ chuyển về; chi tặng quà nhân dân nhân dịp Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

- *Chi sự nghiệp môi trường*: Dự toán giao: 270.000.000 đồng, thực hiện: 1.249.272.000 đồng, bằng 462,69% dự toán giao. Chi vượt dự toán là do UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu đối với các nhiệm vụ cấp huyện cũ chuyển về.

- *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao: 1.077.304.000 đồng; thực hiện: 18.819.589.717 đồng; bằng 1.746,92% dự toán giao. Chi vượt dự toán giao là do UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu đối với các nhiệm vụ cấp huyện cũ chuyển về; bổ sung từ nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa để sửa chữa, duy tu các tuyến đường giao thông; hỗ trợ kinh phí nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước dân sinh trên địa bàn phường; chi vận chuyển phế

thải xây dựng tập kết trái phép ở các khu công cộng, cắt tỉa cây xanh tạo cảnh quan đô thị, ...

- *Chi quản lý hành chính nhà nước*: Dự toán giao: 29.945.193.000 đồng; thực hiện: 50.883.765.344 đồng, bằng 169,92% dự toán giao. Trong đó:

+ *Quản lý nhà nước*: Dự toán giao: 14.152.973.000 đồng; thực hiện: 32.411.492.954 đồng, bằng 229,01% dự toán giao. Chi vượt dự toán giao là do được bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp huyện cũ chuyển về và các nhiệm vụ khác phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; bổ sung từ nguồn CCTL kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP; Công tác chuẩn bị bầu cử ĐB HĐND các cấp;...

+ Trung tâm phục vụ hành chính công: Dự toán giao: 865.806.000 đồng; thực hiện: 1.279.895.977 đồng, bằng 147,83% dự toán giao. Chi vượt dự toán giao là do được bổ sung kinh phí để trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác tiếp dân; lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống an toàn bảo mật thông tin, cải tạo trung tâm phục vụ HCC....

+ Đảng: Dự toán giao: 7.974.781.000 đồng; thực hiện: 8.278.875.700 đồng, bằng 103,81% dự toán giao. Chi vượt dự toán giao là do được bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội các cơ quan Đảng khóa I, NK 2025-2030; Tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp; Lắp đặt, vận chuyển, sửa chữa, mua sắm một số máy móc, thiết bị phục vụ Trụ sở làm việc phường Sơn Nam; tổ chức lễ ra quân thực hiện nếp sống văn minh đô thị và ra quân tổng vệ sinh môi trường....

+ Ủy ban MTTQ Việt Nam phường: Dự toán giao: 6.646.210.000 đồng; thực hiện: 8.159.643.513 đồng, bằng 122,77% dự toán giao. Chi vượt dự toán là do được bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội phường, nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ cấp xã theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ; Tổ chức lễ kỷ niệm 78 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1967-27/7/2025; Tổ chức liên hoan tiếng hát khu dân cư ...

+ Trung tâm dịch vụ tổng hợp: Dự toán giao: 305.423.000 đồng; thực hiện: 753.857.200 đồng, bằng 246,82% dự toán giao. Chi vượt dự toán là do được bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; chi mua cờ, đai cắm cờ, tổ chức tuyên truyền, triển khai một số hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày cách mạng tháng 8 thành công và Quốc khánh 02/9.

- *Chi khác*: Dự toán giao: 76.000.000 đồng; thực hiện: 187.800.000 đồng, bằng 247,11% dự toán giao. Chi vượt dự toán là do trong năm hỗ trợ Thuế cơ sở I

trong công tác chống thất thu ngân sách năm 2025; Hỗ trợ KBNN khu vực IV phục vụ công tác khóa sổ ngân sách năm 2025.

1.3. Kinh phí dự phòng ngân sách: Dự toán giao: 3.999.000.000đ, thực hiện: 3.898.000.000 đồng, được quyết toán vào các Sự nghiệp: Chi quản lý hành chính; Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi; Sự nghiệp thị chính; Sự nghiệp giáo dục đào tạo; Chi An ninh; Chi khác;

(Phụ biểu 03)

1.4. Chi chuyển nguồn sang năm 2026: 37.430.082.136 đồng.

Trong đó:

- Nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước, số tiền: 4.437.806.548 đồng.
- Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, số tiền: 1.548.447.393 đồng.
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, số tiền: 26.156.311.479 đồng.
- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công, số tiền: 5.287.516.716 đồng.

1.5. Chi nộp ngân sách cấp trên: 115.266.000 đồng (kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên của các đơn vị).

2. Đánh giá kết quả chi:

Đã chấp hành dự toán NSNN đúng qui định của pháp luật, hạn chế việc điều chỉnh dự toán, chuyển nguồn và thực hiện chế độ công khai, minh bạch trong việc sử dụng ngân sách đầy đủ đúng qui định.

Trong năm 2025 cơ bản các đơn vị đã bám sát dự toán giao, chi trong khả năng thu, kịp thời xử lý các nhiệm vụ phát sinh, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của phường. Ưu tiên chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi các công trình đã được phê duyệt quyết toán trong năm. Hỗ trợ kịp thời cho những nhiệm vụ phát sinh trong năm như: chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP; tăng cường cơ sở vật chất; Kinh phí nạo vét kênh mương; Mua sắm vật tư phục vụ công tác phòng chống thiên tai; Tổ chức lễ ra quân thực hiện nếp sống văn minh đô thị và ra quân tổng vệ sinh môi trường; Thực hiện công tác đảm bảo ANQG và TT ATXH trên địa bàn ;.....

C. Kết dư ngân sách: 153.107.109.042 đồng được đưa toàn bộ vào thu ngân sách năm 2026, bao gồm:

1. Các nội dung theo dõi trong kết dư: 149.966.650.641 đồng, trong đó:
 - Tiền sử dụng đất: 140.791.197.934 đồng;
 - 30% tăng thu năm 2025 (Sau khi trừ 70% nguồn làm lương): 5.175.452.707 đồng ;
 - Nguồn trung ương thưởng vượt dự toán năm 2023 phân bổ cho công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Tô Ngọc Vân; đoạn 2: Từ nhà bà Chiêu đến nhà Ông Cả, thôn Cao Xá): 4.000.000.000 đồng.

2. Số còn lại: 3.140.458.401 đồng.

Trên đây là báo cáo Thuyết minh quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, Ủy ban nhân dân phường Sơn Nam trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng KHTTĐT;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 



Đương Công Nhiệm



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 100 /BC-UBND ngày 30 /3/2026 của UBND phường Sơn Nam)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung thu	Kế hoạch		Thu trên địa bàn năm 2025	Tỷ lệ %		Các cấp NS được hưởng		
		Tỉnh giao	Phường giao		Tỉnh	Phường	Phường	Tỉnh	Trung ương
A	Thu trên địa bàn	465.974.000.000	1.216.100.500.000	1.492.761.736.497	320.35	122.75	409.288.312.324	1.078.433.243.820	5.040.180.353
I	Thu nội địa	465.974.000.000	1.216.100.500.000	1.492.761.736.497	320.35	122.75	409.288.312.324	1.078.433.243.820	5.040.180.353
1	DN nhà nước trung ương			16.701.310.289			816.746	16.700.493.543	
2	DN nhà nước địa phương		-	1.931.199.033				1.931.199.033	
3	DN nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài			20.987.110.748				20.987.110.748	
4	Thuế ngoài quốc doanh	1.787.000.000	1.787.000.000	257.570.729.521	14.413.58	14.413.58	2.276.120.496	255.294.609.025	
	Thuế VAT, thu nhập DN	1.787.000.000	1.787.000.000	257.516.645.144	14.410.56	14.410.56	2.250.999.475	255.265.645.669	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	19.507.901			19.117.745	390.156	
	Thuế tài nguyên		-	34.576.476			6.003.276	28.573.200	
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.357.000.000	8.084.500.000	50.382.071.708	940.49	623.19	11.259.867.675	39.122.204.033	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.480.000.000	1.480.000.000	1.952.990.932	131.96	131.96	1.612.556.840	340.434.092.0	
7	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	7.870.000.000	7.870.000.000	6.664.032.102	84.68	84.68	1.332.806.428	5.331.225.674	
8	Thuế bảo vệ môi trường			12.089.821.240				7.253.892.744	4.835.928.496
9	Thu phí và lệ phí	95.000.000	95.000.000	518.897.320	546.21	546.21	281.482.000	202.875.320	34.540.000
10	Thu khác ngân sách	165.000.000	165.000.000	2.909.845.539	1.763.54	1.763.54	2.120.140.350	619.993.332	169.711.857
11	Thu khác từ quỹ đất (Thu tại xã)	640.000.000	640.000.000	925.081.000	144.54	144.54	925.081.000	-	-
	Thu HLCS từ quỹ đất công, công ích	640.000.000	640.000.000	925.081.000	144.54	144.54	925.081.000		
	Thu đền bù thiệt hại			-					
	Thu khác			-					
12	Thu tiền sử dụng đất	445.100.000.000	1.191.443.000.000	1.099.432.123.026	247.01	92.28	383.405.415.901	716.026.707.125	
13	Thuế trước bạ đất, ô tô, xe máy, tàu thuyền	3.480.000.000	4.536.000.000	20.696.524.039	594.73	456.27	6.074.024.888	14.622.499.151	
B	Thu chuyển giao ngân sách	42.876.000.000	45.650.000.000	194.363.437.743			194.363.437.743	-	-

STT	Nội dung thu	Kế hoạch		Thu trên địa bàn năm 2025	Tỷ lệ %		Các cấp NS được hưởng		
		Tỉnh giao	Phường giao		Tỉnh	Phường	Phường	Tỉnh	Trung ương
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	42.876.000.000	45.650.000.000	194.363.437.743	453.32	425.77	194.363.437.743		
	Trợ cấp cân đối	31.676.000.000	31.676.000.000	31.676.000.000	100.00	100.00	31.676.000.000		
	Trợ cấp có mục tiêu	11.200.000.000	13.974.000.000	162.687.437.743	1.452.57	1.164.22	162.687.437.743		
II	Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách			-					
C	Thu kết dư ngân sách năm trước			16.403.328.746			16.403.328.746		
D	Thu chuyển nguồn			33.257.467.146			33.257.467.146		
E	Các khoản huy động, đóng góp			1.000.000.000			1.000.000.000		
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	508.850.000.000	1.261.750.500.000	1.737.785.970.132	341.51	137.73	654.312.545.959	1.078.433.243.820	5.040.180.353

(Handwritten signature)



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 110 /BC-UBND ngày 30 /3/2026 của UBND phường Sơn Nam)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán tỉnh giao	Dự toán phường giao	Thực hiện năm	Tỷ lệ % thực hiện	
					KH tỉnh	KH phường
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	127.292.300.000	371.675.300.000	501.205.436.917	393.74	134.85
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III+IV+V+VI)	116.092.300.000	357.701.300.000	501.205.436.917	431.73	140.12
I	Chi đầu tư phát triển	76.070.000.000	316.060.000.000	276.196.907.182	363.08	87.39
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	76.070.000.000	316.060.000.000	242.029.545.385	318.17	76.58
2	Nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ			24.861.785.227		
3	Nguồn tài trợ			1.000.000.000		
4	Nguồn kết dư			8.305.576.570		
II	Chi thường xuyên	37.642.300.000	37.642.300.000	187.463.181.599	498.01	498.01
1	Chi quốc phòng	1.460.651.000	1.460.651.000	1.494.095.733	102.29	102.29
2	Chi an ninh	1.726.780.000	1.726.780.000	2.515.450.874	145.67	145.67
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			83.323.740.847		
4	Sự nghiệp y tế, dân số và KHH gia đình	856.220.000	856.220.000	11.700.910.375	1366.58	1366.58
5	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao - truyền thanh	1.194.024.000	1.194.024.000	3.827.358.153	320.54	320.54
6	Ứng dụng khoa học công nghệ					
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.036.128.000	1.036.128.000	13.461.198.556	1299.18	1299.18
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	270.000.000	270.000.000	1.249.272.000	462.69	462.69
9	Sự nghiệp kinh tế	1.077.304.000	1.077.304.000	18.819.589.717	1746.92	1746.92
9.1	Giao thông	75.000.000	75.000.000	12.997.080.538	17329.44	17329.44
9.2	Nông nghiệp, thủy lợi	502.304.000	502.304.000	3.849.481.179	766.36	766.36
9.3	Sự nghiệp thị chính	500.000.000	500.000.000	1.973.028.000	394.61	394.61
10	Chi quản lý hành chính	29.945.193.000	29.945.193.000	50.883.765.344	169.92	169.92
10.1	Quản lý nhà nước	15.018.779.000	15.018.779.000	33.691.388.931	224.33	224.33
-	Văn phòng HĐND - UBND	14.152.973.000	14.152.973.000	32.411.492.954	229.01	229.01
-	Trung tâm phục vụ HCC	865.806.000	865.806.000	1.279.895.977	147.83	147.83

STT	Tên đơn vị	Dự toán tỉnh giao	Dự toán phường giao	Thực hiện năm	Tỷ lệ % thực hiện	
					KH tỉnh	KH phường
10.2	Đảng	7.974.781.000	7.974.781.000	8.278.875.700	103.81	103.81
10.3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	6.646.210.000	6.646.210.000	8.159.643.513	122.77	122.77
10.4	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	305.423.000	305.423.000	753.857.200	246.82	246.82
11	Chi khác	76.000.000	76.000.000	187.800.000	247.11	247.11
III	Dự phòng	2.380.000.000	3.999.000.000			
IV	Chuyển nguồn sang năm sau			37.430.082.136		
V	Nộp ngân sách cấp trên			115.266.000		
B	CHI BSMT TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	11.200.000.000	13.974.000.000			



BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ TỪ CÁC NGUỒN

(Kèm theo Báo cáo số: 110 /BC-UBND ngày 30 /3/2026 của UBND phường Sơn Nam)

ĐVT: đồng

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
I	NGUỒN DỰ PHÒNG				3.999.000.000
1	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945-19/8/2025) và 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ Quốc	71/QĐ-UBND	14/8/2025	Công an phường	150.000.000
2	Tổ chức hội nghị tổng kết điển hình tiên tiến phường Sơn Nam giai đoạn 2020-2025	101,QĐ-UBND	28/8/2025	Phòng văn hóa - xã hội	100.000.000
3	Tổng kết năm học 2024-2025 và triển khai nhiệm vụ năm học mới 2025-2026			Phòng văn hóa - xã hội	16.000.000
4	Tổ chức lễ kỷ niệm 78 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1967-27/7/2025	100/QĐ-UBND	28/8/2025	UB MTTQ	60.000.000
5	chi mua cờ, đai cắm cờ, tổ chức tuyên truyền, triển khai một số hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày cách mạng tháng 8 thành công và Quốc khánh 02/9.	99/QĐ-UBND	28/8/2025	Trung tâm DV tổng hợp	120.000.000
6	Tổ chức lễ đón trường chuẩn quốc gia mức độ I	102/QĐ-UBND	28/8/2025	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	40.000.000
7	Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước dân sinh trên địa bàn phường Sơn Nam	217/QĐ-UBND	12/11/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	1.850.000.000
8	Mua sắm vật tư (cọc tre, thuyền, cuốc xẻng...) phục vụ công tác phòng chống thiên tai			Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	62.000.000
9	Chi xúc, vận chuyển phế thải xây dựng tập kết trái phép ở các khu công cộng, cắt tỉa cây xanh tạo cảnh quan đô thị, thu dọn cát, đá trên vỉa hè, rãnh tam giác tại các tuyến đường trên địa bàn phường Sơn Nam phục vụ chỉnh trang đô thị dịp cuối năm.	241/QĐ-UBND	25/11/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	1.500.000.000
	Dự toán còn lại				101.000.000

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG				24.629.452.984
1	Chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	98/QĐ-UBND	28/8/2025	Văn phòng HĐND - UBND	12.177.052.877
	DT còn lại				12.452.400.107
III	NGUỒN KẾT DƯ				16.403.328.746
1	30% kết dư chi thường xuyên				300.000.000
-	Tổ chức Đại hội các cơ quan Đảng khóa I, NK 2025-2030	218/QĐ-UBND	12/11/2025	Văn phòng Đảng ủy	50.000.000
-	Tổ chức lễ ra quân thực hiện nếp sống văn minh đô thị và ra quân tổng vệ sinh môi trường			Ban xây dựng Đảng	200.000.000
-	Tổ chức Đại hội các cơ quan Đảng khóa I, NK 2025-2030			VP HĐND-UBND	50.000.000
2	Kết dư tăng thu 30% năm 2024, tiền sử dụng đất				8.305.576.570
-	HTKT KDC cạnh trường VHNT. Hạng mục: San lấp, đường GT và thoát nước			UBND xã Bảo Khê cũ	347.166.000
-	HTKT KDC cạnh trường Quang Trung. Hạng mục: San lấp, đường GT và thoát nước				219.646.000
-	Cải tạo, nâng cấp tường rào trường THCS Bảo Khê				998.832.000
-	Chi cho công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (Đoạn từ nhà Ông Biểu khu phố Xích Đằng đến cổng ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)			UBND phường Lam Sơn cũ	3.034.911.050
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ nhà ông Pha đến nhà ông Ouyền)				7.364.000

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Điện thôn Kệ Châu 1)			UBND xã Phú Cường cũ	7.154.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ đường trục xã đến ruộng thôn Tân Trung)				7.349.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ nhà Văn hóa Tân Mỹ 1 đến nhà bà Nhi)				7.351.000
-	Đường nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ nhà bà Sử đến ruộng thôn Tân Trung)				6.973.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Mỹ 1 xã Phú Cường (đoạn từ dốc ông Cảnh đến cổng qua đường)				7.100.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Mỹ 1 xã Phú Cường (đoạn từ đường bê tông đến cánh đồng thôn Tân Mỹ 1)				7.079.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ dốc ông Trường đến ông Khai)				7.237.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ kênh thủy nông đến ao thôn Tân Trung)				7.245.000
-	Cải tạo chỉnh trang vỉa hè đường trục xã (đoạn 1: từ nhà ông đông đến nhà ông quý : đoạn 2 từ nhà ông Hoa đến nhà ông Cừ)			UBND xã Hùng Cường cũ	3.080.575.655
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ đường trục xã Hùng Cường đến Cổng Nhà Ông Thuận)				482.295.255
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hùng Cường (đoạn từ nhà Văn đến ông Trường thôn Tân Hưng)				19.498.910
-	Nhà bộ môn phòng học chức năng 3 tầng các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường tiểu học Hùng Cường				57.799.700
3	70% chuyển nguồn cải cách tiền lương				1.404.438.953
	Dự toán còn lại				6.393.313.223

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
III	NGUỒN CHUYỂN NGUỒN CỦA 4 PHƯỜNG, XÃ CŨ (KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN) NĂM 2024 CHUYỂN SANG				857.910.262
-	Chi phụ cấp tổ bảo vệ ANTT cơ sở	328/QĐ-UBND	31/12/2025	Văn phòng HĐND-UBND	52.000.000
-	Hỗ trợ phối hợp công tác chống thất thu ngân sách năm 2025			Thuê cơ sở I tỉnh Hưng Yên	100.000.000
-	Hỗ trợ phục vụ công tác khóa sổ ngân sách năm 2025			KBNN khu vực IV	70.000.000
-	Thực hiện công tác đảm bảo ANQG và TT ATXH trên địa bàn			Công an phường	200.000.000
	Dự toán còn lại				435.910.262
IV	NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG MỤC TIÊU				164.532.234.328
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa				11.200.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ nghĩa trang thôn Vạn Tường đến trại nhà bà Quý bờ Tây sông Đổng Lỗ thôn Triều Tiên - Vạn Tường; Tuyến 2: Từ nhà ông Cẩn đến đường QH 20,5m thôn Đoàn Thượng)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường Liên xã đến nhà bà Phạm Thị Thi đội 11 thôn Tân Hưng xã Hùng Cường)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng (đoạn từ đường ngõ cụ Kỷ đến nhà ông Xuê thôn phượng Hoàng, xã Hùng Cường)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên xã đến hết nhà ông Hoa đội 6 thôn Tân Hưng)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ đường liên thôn đến đường Ông Úy thôn Đông Hạ)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000

26

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Hùng Cường (đoạn từ thôn Đông Hạ đến thôn Phụng Hoàng)	36/QĐ-UBND	28/7/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	700.000.000
-	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Khương, thôn Phụng Hoàng, xã Hùng Cường	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa duy tu đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ nhà Hiếu Lan đến KDC mới khu phố Kim Đăng)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ đường trục xã đến ruộng nhà ông Cảnh thôn Tân Mỹ 2)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ nhà bà Thêm đến nhà ông Trạm, thôn Tân Mỹ 1)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Lành đến ruộng thôn Kệ Châu 1 và thôn Kệ châu 2)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Phú Cường(điểm đầu từ nhà ông Am đến kênh tưới thôn Kệ Châu 1)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thuận đến đường trục xã, thôn Kệ Châu 1)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ nhà ông Thành đến ruộng thôn Kệ Châu 2)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ kênh Thủy Nông đến nhà ông Cửu thôn Tân Mỹ 1)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
-	Sửa chữa đường giao thông xã Phú Cường(đoạn từ đường trục đến nhà ông Thủy thôn Tân Trung)	36/QĐ-UBND	28/7/2025		700.000.000
2	Bổ sung thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện chuyển về cấp xã				137.014.505.328
-	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo				83.470.118.084

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Chi hoạt động trạm y tế			Văn phòng HĐND-UBND	4.222.057.520
-				Văn phòng Đảng ủy	10.000.000
-	Hỗ trợ mua thẻ BHYT, đóng BHXH tự nguyện cho các đối tượng			Văn phòng HĐND-UBND	7.000.000
-				Phòng văn hóa xã hội	6.883.000.000
-				Phòng văn hóa xã hội	6.765.310.400
-	Đảm bảo xã hội			Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	716.376.000
-	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, phân loại, xử lý rác và các nhiệm vụ khác liên quan đến bảo vệ môi trường			Văn phòng Đảng ủy	1.436.205.000
-	Quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể....			Ủy ban MTTQ	441.975.000
-				Văn phòng HĐND-UBND	1.403.976.472
-				Trung tâm phục vụ hành chính công	80.000.000
-				Trung tâm DV tổng hợp	250.800.000
-				Công an	250.000.000
-				Quân sự	30.000.000
-					264.000.000
-	Hỗ trợ phục vụ sơ tuyển, khám sức khỏe NVQS và tuyển quân năm 2025				
-	Mua trang thiết bị, vật tư phục vụ thu gom vận chuyển rác (xe thu + thùng container)				

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Chi phí đấu giá đất theo thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025	133/QĐ-UBND	24/9/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	125.000.000
-	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất				190.000.000
-	Kinh phí phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Hưng Yên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050				200.000.000
-	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cả, phường Lam Sơn				1.000.000.000
-	Bổ sung kinh phí để phục vụ công tác phòng, chống lụt bão các điểm canh gác đê				35.100.000
-	Nạo vét kênh mương xã Phú Cường (đoạn từ nhà ông Mạnh thôn Kệ Châu 1 đến Cửa UBND xã Phú Cường)				400.000.000
-	Nạo vét kênh mương xã Phú Cường (đoạn từ trạm bơm tiêu xã Phú Cường đến hồ Quay Chảo)				490.000.000
-	Kinh phí xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn			Phòng văn hóa xã hội	1.325.968.000
-	Xây dựng phân mềm quản lý và số hóa hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội				240.000.000
-	Chi hỗ trợ các lực lượng phục vụ cung rước, tôn trí xá Lợi Đức Phật			Công an	14.178.000
-	Chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với lực lượng bảo vệ dân phố, đội trưởng, đội phó đội dân phòng				129.179.000
-	Tăng cường cơ sở vật chất, chống xuống cấp			Văn phòng Đảng ủy	725.000.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT phường Lam Sơn đoạn từ bãi Sông Hồng đến đền chùa Sơn Lâm				2.359.913.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ nhà ông Biều khu phố Xích Đằng đến công ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến chùa Cao Xá)				2.141.683.442

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (Đoạn qua thôn kè châu 1 và thôn Đông Hồng)			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường	879.513.910
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường(từ nhà ông Sơn đến nhà ông Quê thôn Tân Mỹ 1)				3.000.000.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (Đoạn từ bưu điện xã đến cổng làng Tân Mỹ 1)				2.334.560.000
-	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường				3.122.774.500
-	Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường				5.452.119.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường(tuyến 1, từ nhà ông Trần đến xã Hùng Cường; tuyến 2, từ nhà bà Huyền đến nhà ông Cao xã Hùng Cường)				6.618.698.000
3	Thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ cấp xã theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	201/QĐ-UBND	31/10/2025	Ủy ban MTTQ phường	337.662.000
4	Bổ sung kinh phí phát triển sản xuất cây trồng vụ Đông năm 2025-2026	235/QĐ-UBND	24/11/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	25.300.000
5	Bổ sung dự toán chi sau sắp xếp đv hành chính				2.500.000.000
-	Lắp đặt, vận chuyển, sửa chữa, mua sắm một số máy móc, thiết bị phục vụ Trụ sở làm việc phường Sơn Nam	169/QĐ-UBND	09/10/2025	Văn phòng Đảng ủy	1.500.000.000
-	Mua sắm máy tính, Biên chỉ dẫn trụ sở cơ quan, biển tên chức danh + phòng làm việc; chế độ Hội nghị công bố, lắp đặt hệ thống mạng khu tầng 1 - MTTQ và các đoàn thể...; Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp công dân của phường			Văn phòng HĐND-UBND	345.000.000
-	Mua sắm máy tính, máy scan....			Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	113.700.000

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Máy tính để bàn			Phòng văn hóa - xã hội	40.000.000
-	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác tiếp dân; lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống an toàn bảo mật thông tin, cải tạo trung tâm phục vụ HCC....			Trung tâm phục vụ HCC	501.300.000
6	Bổ sung kinh phí thực hiện tặng quà cho nhân dân nhân kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9	168/QĐ-UBND	09/10/2025	Văn phòng HĐND-UBND	3.015.200.000
7	Bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường để thực hiện các nhiệm vụ chỉ phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính và các nhiệm vụ chỉ cần thiết khác (dự phòng cấp huyện chuyển về)				1.576.642.000
-	Tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội phường, nhiệm kỳ 2025-2030	187/QĐ-UBND	17/10/2025	Ủy ban MTTQ phường	300.000.000
-	Tổ chức hội thi câu lạc bộ gia đình tiêu biểu tỉnh Hưng Yên	219/QĐ-UBND	12/11/2025	Phòng văn hóa xã hội phường	51.920.000
-	Công tác chuẩn bị bầu cử ĐB HĐND			Văn phòng HĐND-UBND	250.000.000
-	Ban chỉ đạo bầu cử			Văn phòng Đảng ủy	50.000.000
-	Tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân; mua áo cờ đỏ sao vàng Lễ chào cờ			Ủy ban MTTQ phường	69.000.000
-	Tổ chức liên hoan tiếng hát khu dân cư			Ủy ban MTTQ phường	139.050.000
-	Chi nạo vét kênh mương chống úng nội đồng và tiêu thoát nước cho Tổ dân phố Kệ Châu 1, Kệ Châu 2 năm 2025	241/QĐ-UBND	25/11/2025	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	500.000.000
-	Chi công tác quân sự địa phương năm 2025			Văn phòng HĐND-UBND	75.000.000
-	Triển khai sổ hóa học bạ số, chứng chỉ, văn bằng"	328/QĐ-UBND	31/12/2025	Phòng văn hóa xã hội phường	10.000.000

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Còn lại chưa phân bổ				131.672.000
8	Bổ sung kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội phường, nhiệm kỳ 2025-2030	140/QĐ-UBND	30/9/2025	Ủy ban MTTQ phường	450.000.000
9	Bổ sung thực hiện nhiệm vụ “Triển khai số hóa học bạ số, chứng chỉ, văn bằng”	289/QĐ-UBND	22/12/2025	Phòng văn hóa xã hội phường	47.720.000
10	Bổ sung kinh phí tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	316/QĐ-UBND	30/12/2025	Phòng văn hóa xã hội phường	799.200.000
11	Bổ sung dự toán chi cho ngân sách các xã, phường năm 2025 từ nguồn ngân sách Trung ương thường vượt dự toán năm 2024				450.000.000
-	Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	318/QĐ-UBND	30/12/2025	Văn phòng HĐND-UBND	225.000.000
-	Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW			Văn phòng Đảng ủy	225.000.000
12	Bổ sung kinh phí cho các phòng, ban, đơn vị phường để thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ chi phát sinh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp				4.119.000.000
-	Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	317/QĐ-UBND	30/12/2025	Văn phòng HĐND-UBND	500.000.000
-	Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	317/QĐ-UBND		Văn phòng Đảng ủy	500.000.000
-	Thực hiện chế độ chính sách an sinh xã hội			Phòng văn hóa xã hội phường	1.470.000.000

STT	Nguồn chi	Quyết định bổ sung dự toán		Đơn vị được bổ sung dự toán	Số tiền
		Số QĐ	Ngày, tháng		
-	Hỗ trợ mua thẻ BHYT 30 năm tuổi đảng	236/QĐ-UBND	24/11/2025	Văn phòng Đảng ủy	9.000.000
-	Kinh phí tổ chức đấu giá đất, chi phí đấu giá đất			Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	960.000.000
-	Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa cho trẻ em, chính sách phát triển giáo dục mầm non	335/QĐ-UBND	31/12/2025	Các trường học	680.000.000
13	Bổ sung kinh phí ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì danh mục các tuyến đường theo Quyết định 1224/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND Tỉnh Hưng Yên	240/QĐ-UBND	25/11/2025	Ban QLDA ĐTXD phường	1.959.000.000
14	bổ sung kinh phí chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho các đơn vị để cấp bù học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 797/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh	335/QĐ-UBND	31/12/2025	Các trường học	865.005.000
15	bổ sung kinh phí cho các trường mầm non, THCS, TH&THCS trực thuộc UBND phường quản lý để chi trả tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho giáo viên được điều động đến công tác, giáo viên được tuyển dụng mới tại đơn vị	340/QĐ-UBND	31/12/2025	Các trường học	173.000.000



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG		804.562.312.351	-	613.763.055.926	512.178.565.272	-	101.084.490.654	276.196.907.182	-	-	276.196.907.182
I	Công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán		96.719.350.351	-	96.719.350.351	75.605.209.871	-	21.114.140.480	35.911.854.937	-	-	35.911.854.937
1	HTKT khu tái định cư thôn Cao, xã Bảo Khê		775.079.500		775.079.500	693.485.000		81.594.500	693.485.000			693.485.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Bảo Khê (đoạn từ khu dân cư 1,2 xã Bảo Khê đến đường QH 20.5m phía Tây sông Điện Biên)		4.235.546.208		4.235.546.208	3.844.286.208		391.260.000	4.235.546.208			4.235.546.208
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bảo Khê, TP Hưng Yên (Đoạn 1: Từ cầu Tiên Thắng giáp xã Ngọc Thanh đến đường trục thôn Tiên Thắng, Đoạn 2: Từ đường QL 39A đến đê tả sông Hồng)		11.078.946.828		11.078.946.828	9.989.787.828		1.089.159.000	6.078.946.828			6.078.946.828
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bảo Khê (đoạn từ nhà ông Thoa Lâm đến nhà ông Quyết Liên; đoạn từ đường DH 61 đến nhà ông Cam)		7.035.642.000		7.035.642.000	6.307.146.000		728.496.000	5.035.642.000			5.035.642.000
5	Cải tạo, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ xã Bảo Khê		4.822.449.135		4.822.449.135	4.279.353.000		543.096.135	2.804.643.135			2.804.643.135
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Xã Bảo Khê (đoạn 1: Từ dốc đình Ba Nóc đến đường trục xã Bảo Khê, đoạn 2: Từ nhà Thủy Quyển đến đường trục xã Bảo Khê		2.498.843.216		2.498.843.216	2.203.883.000		294.960.216	2.494.960.216			2.494.960.216

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất dôi dư, đầu giá QSDĐ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn đoạn từ Bãi Sông Hồng đến Đền Chúa Sơn Lâm		12.517.323.000		12.517.323.000	11.406.866.000		1.110.457.000	5.446.328.000			5.446.328.000
8	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Cao Xá, phường Lam Sơn		1.078.747.000		1.078.747.000	956.600.000		122.147.000	78.747.000			78.747.000
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Kim Đằng cạnh Miếu Quán Tiên, phường Lam Sơn (Đoạn từ nhà Ông Sơn đến nhà Ông Đường)		2.339.430.000		2.339.430.000	2.074.572.000		264.858.000	24.758.000			24.758.000
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn, Tp Hưng Yên (đoạn 1: Từ đường trục Lam Sơn - Hùng Cường đến nhà bà Bái; đoạn 2: Từ nhà văn hoá Đằng Châu đến nhà ông Nghi)		2.545.586.000		2.545.586.000	2.264.920.000		280.666.000	26.910.000			26.910.000
11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá phường, nhà làm việc bộ phận một cửa, nhà làm việc công an phường Lam Sơn		597.353.000		597.353.000	528.269.000		69.084.000	597.353.000			597.353.000
12	Nhà bộ môn phòng học chức năng 3 tầng; Các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường Tiểu học xã Hùng Cường.		5.796.262.700		5.796.262.700	5.124.252.000		672.010.700	57.799.700			57.799.700
13	Cải tạo nâng cấp đường GTNT(đoạn từ nhà Văn đến ông Trưởng thôn Tân Hưng)		6.874.845.766		6.874.845.766	6.167.867.000		706.978.766	19.498.910			19.498.910
14	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà Ông Hợi đến đê bói: đoạn 2 từ nhà ông trục đến đê bói, đoạn 3 từ nhà ông An đến đê bói)		5.773.711.000		5.773.711.000			5.773.711.000	260.595.000			260.595.000
15	Xây dựng nhà hiệu Bộ, phòng học và một số công trình phụ trợ, trường tiểu học xã Hùng Cường		6.822.559.000		6.822.559.000			6.822.559.000	374.343.800			374.343.800

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất dôi dư, đầu giá QSDĐ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	Cải tạo chỉnh trang vỉa hè đường trục xã (đoạn 1: từ nhà ông đông đến nhà ông quý : đoạn 2 từ nhà ông Hoa đến nhà ông Cừ)		6.375.026.855		6.375.026.855	5.721.415.855		653.611.000	3.375.026.855			3.375.026.855
17	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (Đoạn từ bưu điện xã đến cổng làng Tân Mỹ 1)		11.124.024.000		11.124.024.000	10.094.677.000		1.029.347.000	2.780.404.000			2.780.404.000
18	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường điện đoạn từ bưu điện xã đến cổng làng Tân Mỹ 1 Hạng mục: Di chuyển đường điện sinh hoạt + Điện chiếu sáng phục vụ GMPB		991.238.000		991.238.000	885.119.000		106.119.000	200.000.000			200.000.000
19	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Phú cường (Đoạn từ cổng bà Nhẹ đến kênh thủy nông)	2022-2025	3.436.737.143		3.436.737.143	3.062.710.980		374.026.163	1.326.867.285			1.326.867.285
II	Công trình đã hoàn thành chưa quyết toán		199.102.545.000	-	186.032.670.664	153.454.243.300	-	32.578.427.364	39.926.259.170	-	-	39.926.259.170
1	Xây dựng HTKT khu dân cư cạnh trường Quang Trung. Hạng mục: San lấp, đường giao thông và thoát nước		3.824.438.000		3.660.168.676	2.568.757.000		1.091.411.676	219.646.000			219.646.000
2	XD HTKT khu dân cư cạnh trường văn hoá nghệ thuật. Hạng mục: San lấp, đường giao thông và thoát nước		5.154.305.000		4.927.616.376	3.128.777.000		1.798.839.376	347.166.000			347.166.000
3	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê		14.980.000.000		14.472.037.746	12.967.967.000		1.504.070.746	4.878.037.746			4.878.037.746

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Đường trục xã Bảo Khê hướng kết nối đường ĐH72 - Giai đoạn I (Cầu Bảo Khê)		29.356.176.000		28.882.682.000	26.572.858.000		2.309.824.000	2.944.251.000			2.944.251.000
5	Đường giao thông trên địa bàn thôn Vạn Tường và thôn Triều Tiên, thuộc xã Bảo Khê. Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng		25.557.260.000		24.976.390.184	22.994.329.000		1.982.061.184	3.150.967.184			3.150.967.184
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn thôn Tiền Thắng, xã Bảo Khê, TP Hưng Yên		18.444.429.000		16.932.035.200	15.372.303.000		1.559.732.200	5.458.678.200			5.458.678.200
7	Cải tạo, nâng cấp tường rào Trường THCS Bảo Khê		1.000.000.000		998.832.000	879.055.000		119.777.000	998.832.000			998.832.000
8	Xây dựng đường điện sinh hoạt và điện chiếu sáng khu tái định cư cạnh trường THPT Quang Trung (điểm từ đường vào trường THPT Quang Trung đến điểm tiếp giáp đường Mạc Đình Chi)		2.224.585.000		2.120.417.000	1.540.000.000		580.417.000	1.656.417.000			1.656.417.000
9	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ đê bồi sang địa phận Phường Lam Sơn)		5.543.897.000		4.567.087.531	4.077.079.000		490.008.531	47.600.000			47.600.000
10	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ đường trục xã Hùng Cường đến Cổng Nhà Ông Thuận)		29.654.236.000		23.656.961.255	21.441.230.000		2.215.731.255	1.073.288.255			1.073.288.255
11	Công trình: Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường	2022-2025	14.664.113.000		14.664.125.000	12.803.255.000		1.860.870.000	5.452.119.000			5.452.119.000
12	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	2022-2025	14.509.253.000		13.825.826.000	12.263.473.000		1.562.353.000	3.122.774.500			3.122.774.500

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác
												(Đất dôi dư, đầu giá QSDĐ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (Đoạn từ nhà ông Mão thôn Tân Trung đến nhà ông Thám thôn Tân Mỹ II)	2022-2025	2.869.869.000		2.898.773.000	2.475.431.664		423.341.336	1.060.895.000			1.060.895.000
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (Đoạn qua thôn Kệ Châu 1 và thôn Đông Hồng)	2023-2025	5.500.000.000		4.877.072.000	4.348.348.000		528.724.000	855.318.000			855.318.000
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường(tuyến 1, từ nhà ông Trần đến xã Hùng Cường; tuyến 2, từ nhà bà Huyền đến nhà ông Cao xã Hùng Cường)	2023-2025	13.000.000.000		13.000.000.000			13.000.000.000	6.607.672.000			6.607.672.000
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (từ nhà ông Sơn đến nhà ông Quê thôn Tân Mỹ 1)	2023-2025	6.304.962.000		5.342.040.610	4.613.116.335		728.924.275	1.987.745.285			1.987.745.285
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ nhà ông Pha đến nhà ông Quyền)		740.000.000		707.364.000	616.195.000		91.169.000	7.364.000			7.364.000
18	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Điện thôn Kệ Châu 1)		724.498.000		687.136.625	599.878.625		87.258.000	7.154.000			7.154.000
19	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ đường trục xã đến ruộng thôn Tân Trung)		730.000.000		706.372.700	614.747.770		91.624.930	7.349.000			7.349.000
20	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ nhà văn hóa Tân Mỹ 1 đến nhà bà Nhi)		724.034.000		706.605.688	618.819.688		87.786.000	7.351.000			7.351.000
21	Đường nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ đường nhà bà Sử đến ruộng thôn Tân Trung)		700.000.000		670.129.073	581.352.218		88.776.855	6.973.000			6.973.000

26

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất bồi dư, đầu giá QSDĐ...
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Mỹ 1 xã Phú Cường (đoạn từ dốc nhà ông Cảnh đến cổng qua đường)		700.000.000		680.975.000	576.576.000		104.399.000	7.100.000			7.100.000
23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phú Cường (đoạn từ đường bê tông đến cánh đồng thôn Tân Mỹ 1)		730.000.000		680.164.000	589.128.000		91.036.000	7.079.000			7.079.000
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTND xã Phú Cường (đoạn từ đường dốc ông Tường đến đường ông Khải)		730.000.000		695.545.000	602.527.000		93.018.000	7.237.000			7.237.000
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTND xã Phú Cường (đoạn từ Kênh thủy nông đến ao thôn Tân Trung)		736.490.000		696.314.000	609.040.000		87.274.000	7.245.000			7.245.000
III	Công trình chuyển tiếp	-	488.615.492.000	-	320.976.620.322	274.422.214.817	-	46.554.405.505	193.236.609.791	-	-	193.236.609.791
1	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND- UBND xã Bảo Khê và các hạng mục phụ trợ		20.000.000.000		15.311.060.676	13.834.780.000		1.476.280.676	7.105.280.676			7.105.280.676
2	Tuyến kè phía Đông sông Điện Biên, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)		63.000.000.000		55.675.587.173	51.134.609.000		4.540.978.173	30.622.587.173			30.622.587.173
3	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Bảo Khê		12.000.000.000		10.908.530.919	8.160.000.000		2.748.530.919	3.010.690.579			3.010.690.579
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (phía Tây Nam sân vận động)		37.600.000.000		31.854.252.128	20.567.395.398		11.286.856.730	17.968.577.708			17.968.577.708
5	Cải tạo, nâng cấp sông Đống Lỗ, xã Bảo Khê (đoạn từ QL 39A đến đền Tân La)		27.537.453.000		12.496.688.000	11.000.000.000		1.496.688.000	6.096.688.000			6.096.688.000

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất dôi dư, đầu giá QSDĐ...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Trường mầm non xã Bảo Khê		65.000.000.000		47.471.742.456	37.969.494.000		9.502.248.456	47.566.485.950			47.566.485.950
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Bảo Khê (đoạn từ QL 39A đến đường phía Đông sông Điện Biên thuộc xã Bảo Khê)		87.000.000.000		42.339.360.763	39.964.601.000		2.374.759.763	42.339.360.763			42.339.360.763
8	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước, hệ thống chiếu sáng tuyến đường từ Dốc Lã xã Bảo Khê, Thành phố Hưng Yên đến xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động		5.000.000.000		4.141.327.000	3.700.000.000		441.327.000	4.141.327.000			4.141.327.000
9	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ nghĩa trang thôn Vạn Tường đến trại Bà Quý bờ tây sông Đồng Lỗ thôn Triều Tiên-Vạn Tường; Tuyến 2: Từ nhà ông Cẩn đến đường QH 20,5m thôn Đoàn Thượng)		6.187.017.000		3.087.920.000	2.866.324.000		221.596.000	3.087.920.000			3.087.920.000
10	Nhà luyện tập đa năng Trường TH và THCS Bảo Khê, xã Bảo Khê, Thành phố Hưng Yên		10.850.000.000		1.226.799.000	1.184.779.000		42.020.000	1.724.580.000			1.724.580.000
11	Xây dựng mới các tuyến đường để phục vụ đầu giá khu dân cư phía Tây Nam sân vận động xã Bảo Khê		19.601.000.000		3.111.213.022	2.598.137.000		513.076.022	2.572.424.450			2.572.424.450
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu phố Đăng Châu, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên (Đoạn từ đình Cao Phụ đến nhà bà Nghi)		7.650.115.000		5.082.735.347	4.552.820.000		529.915.347	1.150.000.000			1.150.000.000

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất bồi dư, đầu giá QSDĐ...)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình: Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở phường Lam Sơn (Vị trí cạnh Tô Ngọc Vân)		17.730.534.000		13.384.032.000	7.596.263.000		5.787.769.000	7.194.522.000			7.194.522.000
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (Đoạn từ ngã tư đường Tam Đẳng đến đường Sơn Nam)		3.543.254.000		3.045.212.042	2.812.909.514		232.302.528	1.862.940.000			1.862.940.000
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (Đoạn từ nhà Ông Biều khu phố Xích Đằng đến cổng ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)		73.629.238.000		48.506.092.000	46.210.489.000		2.295.603.000	12.404.587.492			12.404.587.492
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ dốc Đình Cả Xích Đằng đến ngã tư chợ cóc Xích Đằng)		5.000.000.000		4.110.652.796	3.764.461.796		346.191.000	3.719.857.000			3.719.857.000
17	Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên		11.708.656.000		10.728.898.000	9.702.998.000		1.025.900.000	61.678.000			61.678.000
18	Công trình: Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên		11.478.225.000		4.353.697.000	3.332.653.000		1.021.044.000	366.783.000			366.783.000
19	Công trình: Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu xã Phú Cường	2022-2025	4.100.000.000		4.140.820.000	3.469.501.109		671.318.891	240.320.000			240.320.000
IV	Công trình mới		19.624.925.000	-	9.534.414.589	8.696.897.284	-	837.517.305	6.622.183.284	-	-	6.622.183.284
1	Nhà để xe cán bộ, công chức phường Sơn Nam		2.700.000.000		1.494.165.000	1.315.665.000		178.500.000	1.200.000.000			1.200.000.000

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2025				Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Xây lắp	Thiết bị	Khác			Nguồn cân đối ND	Nguồn khác (Đất bồi dư, đầu giá QSDD...
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Nhà vệ sinh công cộng phường Sơn Nam		924.925.000		897.066.000	792.028.000		105.038.000	700.000.000			700.000.000
3	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc trụ sở UBND phường Sơn Nam		7.500.000.000		1.722.183.284	1.722.183.284			1.722.183.284			1.722.183.284
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bảo Khê (Đoạn 1: Từ nhà ông Ký đến nhà bà Diễm; Đoạn 2: Từ nhà bà Oanh đến nhà ông Vinh; Đoạn 3: Từ nhà ông Tám đến nhà ông Quảng; Đoạn 4: Từ nhà ông Hải đến công ty may Tiên Lữ; Đoạn 5: Từ nhà ông Trung đến nhà bà Phụ; Đoạn 6: Từ nhà ông Hệ đến nhà ông Cường; Đoạn 7: Từ nhà ông Thành đến nhà ông Tâm)		8.500.000.000		5.421.000.305	4.867.021.000		553.979.305	3.000.000.000			3.000.000.000
V	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC		500.000.000	-	500.000.000				500.000.000	-	-	500.000.000
1	Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCS để cho vay đối hộ nghèo và các hộ chính sách khác 2025		500.000.000		500.000.000				500.000.000			500.000.000